

Bản án số: 29/2019/DS- ST

Ngày: 20/6/2019

V/v: “Tranh chấp HĐ mua bán tài sản ”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Nhân

- Bà Mai Thị Nhắc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2019/QĐST-DS, ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Bảo N, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị Lê Thị Bảo N ủy quyền cho anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Lê Thị Đ, sinh năm 1971 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; Cùng nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Anh N và bà Đ có mặt, ông T vắng mặt không lý do*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019 của chị Lê Thị Bảo N, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Ngày 27/02/2016 chị N có thỏa thuận miệng bán thức ăn chăn nuôi gà cho bà Đ và ông T nội dung thỏa thuận là bao gà ra chuồng sẽ thanh toán. Mỗi lần bán gà bà Đ và ông T có thanh toán tiền cho chị N nhưng vẫn còn nợ lại một ít, đến ngày 16/01/2018 chị N và bà Đ thống nhất ngừng cung cấp thức ăn do bà Đ và ông T vì bà Đ không trả tiền theo đúng thỏa thuận và bà Đ cho rằng chị N bán thức ăn giá cao hơn các đại lý khác. Đến ngày 16/01/2018 thì chị N và bà Đ thống nhất số nợ mà bà Đ và ông T còn thiếu là 52.929.000 đồng. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông T liên đới trả số tiền thức ăn còn thiếu là 52.929.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 16/01/2018 đến ngày Tòa xét xử.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Lê Thị Đ trình bày như sau:* bà thống nhất với anh N về số tiền nợ mà vợ chồng bà thiếu chị N. Nay bà đồng ý cùng ông T liên đới trả cho chị N số tiền nợ gốc là 52.929.000 đồng, yêu cầu được trả dần trong thời hạn 05 tháng, không đồng ý trả lãi vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vợ chồng nuôi gà về phục vụ kinh tế chung của gia đình. Ngày 16/01/2018 bà và chị N thỏa thuận ngừng mua bán thức ăn nên tổng kết số nợ là 52.929.000 đồng và từ thời gian đó đến nay không có thanh toán được số tiền nào cả. Bà có hứa với chị N sẽ trả dần nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn, con đi bệnh viện nên không có khả năng thanh toán.

*Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại Tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:* Ông thừa nhận ông bà còn nợ chị N số tiền thức ăn là 52.929.000 đồng, ông đồng ý liên đới cùng bà Đ trả cho chị N số tiền thức ăn là 52.929.000 đồng nhưng chị N phải trừ số tiền 12.000.000 đồng là tiền của Công ty hỗ trợ cho người chăn nuôi vào số tiền vốn, ông yêu cầu được trả dần thành 03 lần, mỗi lần cách nhau 03 tháng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

### [1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019 của chị Lê Thị Bảo N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Xác định chị Lê Thị Bảo N là nguyên đơn, bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho ông Nguyễn Văn T đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải với ông T được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 cho ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp.

## **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N yêu cầu bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị Bảo N số tiền thức ăn còn thiếu là 59.730.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 52.929.000 đồng và tiền lãi là 6.801.000 đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ và ông T thừa nhận chị còn thiếu chị N số tiền nợ gốc là 52.929.000 đồng nên xác định đây là sự việc có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bà Đ, ông T đồng ý liên đới trả cho chị N số tiền nợ gốc 52.929.000 đồng nên Tòa ghi nhận.

Đối với số tiền lãi của chị Lê Thị Bảo N yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 16/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử nhưng bà Đ và ông T không đồng ý, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi gà giữa chị N và bà Đ, ông T không có thỏa thuận lãi suất, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Đ và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tính lãi của chị N là có căn cứ để chấp nhận.

Về mức lãi suất: Hội đồng xét xử thấy rằng chị N yêu cầu là 0,75%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Mặc dù, theo biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 08/7/2018 thể hiện bà Đ thừa nhận còn nợ chị N số tiền nợ gốc là 52.929.000 đồng, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 20/5/2019 anh N và bà Đ thống nhất ngày ngừng cung cấp thức ăn là ngày 16/01/2018 nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 16/01/2018 đến ngày Tòa xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

Bị đơn yêu cầu được trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy yêu cầu này của bị đơn thuộc về giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T yêu cầu chị N trả số tiền hoa hồng mà Công ty hỗ trợ cho người chăn nuôi vào số tiền vốn nhưng ông không có đơn yêu cầu và tại phiên tòa bà Đ cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Tòa không xem xét giải quyết.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.987.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị Bảo N theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, khoản 3 Điều 440 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bảo N, cụ thể tuyên:

Buộc bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Bảo N tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 59.730.000 đồng. Trong đó: tiền gốc là 52.929.000 đồng và tiền lãi là 6.801.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

#### *3. Về án phí:*

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu là 2.987.000 đồng

Hoàn trả cho chị Lê Thị Bảo N số tiền tạm ứng án phí là 1.462.000 đồng theo biên lai thu số 0002321 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,*

*7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.*

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu HS, VP, THA (9b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Diễm**